

TỔNG HỢP CÁC BẢN ÁN HÌNH SỰ VỀ TỘI LỢI DỤNG CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN TRONG KHI THI HÀNH CÔNG VỤ

STT	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	27/2024/HS-PT	13/05/2024	TAND tỉnh Quảng Bình	<p>Bản án số 27/2024/HS-PT ngày 13/05/2024 của TAND tỉnh Quảng Bình</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none">- Cấp xét xử: Phúc thẩm- Loại án: Hình sự- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Quảng Bình- Áp dụng án lệ: Không- Thông tin về vụ án: Chấp nhận kháng cáo, xử phạt bị cáo Lê Văn Th 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Ông Lê Văn Th là Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp P từ năm 2012 đến tháng 11/2022. Bà Hoàng Thị Thu H là kế toán Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp P từ năm 2013 đến tháng 11/2022.</p> <p>Năm 2020, Hợp tác xã sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp P đã tổ chức Đại hội đại biểu thành viên nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đại hội đã thống nhất phương án trả tiền lương (tiền công) cho cán bộ Hợp tác xã P như sau: Trả lương theo mức độ lợi nhuận từ các khâu dịch vụ của Hợp tác xã trong năm; trích 60% lợi nhuận từ các khâu dịch vụ của Hợp tác xã trả lương cho cán bộ, 60% lợi nhuận này được trả cho các chức danh theo hệ số như sau: Giám đốc được trả lương với hệ số 1,0%; 02 Ủy viên hội đồng quản trị được trả lương với hệ số 0,6%/ ủy viên; Kế toán được trả lương với hệ số 0,8%; Thủ kho kiêm thủ quỹ được trả lương với hệ số 0,7%; Kiểm soát được trả lương với hệ số 0,6%. 60% lợi nhuận dùng để trả lương được chia cho các chức danh theo hệ số trên.</p> <p>Quá trình làm Giám đốc kiêm Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã, Lê Văn Th đã bàn bạc với Hoàng Thị Thu H hạch toán các khoản doanh thu, chi phí không đúng dẫn đến việc trả lương cho cán bộ Hợp tác xã cao hơn thực tế</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/11LdPEKgdrsFgyOJECBgm0ImOKOjv4McX/view?usp=sharing</p>

được phép chi trả theo Nghị quyết.

Tổng cộng, trong năm 2021 các khâu vật tư, thủy lợi phí, làm đất, bảo vệ thực vật, bảo vệ đồng và các khâu khác, thực tế Hợp tác xã có lợi nhuận (trước chi trả lương) là 160.799.300 đồng. Tuy nhiên, Lê Văn Th và Hoàng Thị Thu H đã hạch toán lợi nhuận trước chi trả lương và đã quyết toán trong năm 2021 là 188.576.180 đồng. Như vậy, tổng cộng đã hạch toán tổng lợi nhuận để tính lương cho cán bộ Hợp tác xã trong các khâu nêu trên cao hơn so với thực tế với số tiền 27.776.880 đồng dẫn đến Hợp tác xã đã chi trả lương cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và bộ phận giúp việc cao hơn mức cho phép với số tiền 16.666.128 đồng.

Ngoài ra, Lê Văn Th và Hoàng Thị Thu H khai nhận vào năm 2020 đã hạch toán lợi nhuận trước chi trả lương cao hơn 6.885.400 đồng so với thực tế được hạch toán dẫn đến việc chi trả lương, thù lao cho Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên và bộ phận giúp việc của Hợp tác xã cao hơn 4.131.240 đồng. Tuy nhiên, chứng từ, tài liệu kế toán năm 2020 đã bị mất do lũ lụt nên Cơ quan điều tra không đủ căn cứ để kết luận hành vi nêu trên của Lê Văn Th và Hoàng Thị Thu H.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn Th phạm tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.
2. Áp dụng khoản 1 Điều 356, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo **Lê Văn Th 09 (chín) tháng tù.**
3. Ngoài ra bản án còn quyết định tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo Hoàng Thị Thu H, quyết định về trách nhiệm dân sự, về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Tòa Phúc thẩm tuyên

1. Chấp nhận kháng cáo của người bị hại HTX sản xuất kinh doanh dịch vụ nông nghiệp P, sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2024/HS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình, tỉnh Quảng Bình:
2. Áp dụng khoản 1 Điều 356, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Lê Văn Th 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo** về tội “Lợi dụng chức vụ quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm. Giao bị cáo Lê Văn Th cho Ủy ban nhân dân xã Xuân Thủy, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình quản lý, giáo dục trong thời hạn thử thách của án treo.

				<p>3.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: khoản 1 Điều 356, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 54 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm d, e khoản 1 Điều 357 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
2.	156/2024/HS-PT	26/04/2024	TAND cấp cao tại Đà Nẵng	<p>Bản án số 156/2024/HS-PT ngày 26/04/2024 của TAND cấp cao tại Đà Nẵng</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp Cấp xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hình sự Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng Áp dụng án lệ: Không Thông tin về vụ án: Sửa bản án sơ thẩm, xử phạt Nguyễn Bá T 4 (bốn) năm tù, Nguyễn Thị Hồng H 05 (năm) năm tù về tội “<i>Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ</i>”, buộc bồi thường thiệt hại theo quy định <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Tháng 9/2015, bà Trương Thị H6 (sinh năm 1962) nộp hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất số 3+391/1+392/1 đường T) thuộc khu phố A, Phường E, thành phố Đ. Nguyễn Thị Hồng H trực tiếp nhận và xử lý hồ sơ. Trên cơ sở hồ sơ của bà H6 cung cấp, H đã hoàn tất các thủ tục có liên quan để xác định nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6,</p> <p>Trong quá trình làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên, bà H6 có nhờ ông Hoàng Văn Đ, sinh năm 1959 là bạn bè với thông gia của bà H6 giúp đỡ. Do có mối quan hệ quen biết với ông Trần Hữu H8 (nhân viên Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ, là người đo đạc thửa đất của bà H6), ông Đ được ông H8 giới thiệu đến gặp ông Đào Xuân H7 (cán bộ xử lý hồ sơ địa bàn Phường E và là người trực tiếp xử lý hồ sơ của bà H6) để biết rõ hơn về quá trình xử lý đối với hồ sơ của bà H6. Một thời gian sau, ông Đ được ông H7 thông</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1kPIAURTJkOid347UxL5RHSLVTVrGEoU/view?usp=sharing</p>

tin thừa đất của bà H6 đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng chỉ được cấp 50% theo hạn mức 120m² đất ở, diện tích đất còn lại phải nộp thuế 100%, số tiền nộp thuế sử dụng đất sẽ rất nhiều. Sau đó, ông Đ chở bà H6 đến Bộ phận một cửa xin rút lại hồ sơ, rồi cùng nhau đến H9 gặp T xin xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất để giảm số tiền thuế phải nộp. Lúc này, H nghỉ sinh theo chế độ nên chị Hoàng Thị Như Ý được phân công phụ trách công tác địa chính thay cho H. Khi gặp T, ông Đ trình bày các nội dung như ông H7 đã thông tin, đồng thời đưa hồ sơ và nhờ T xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6. Sau khi nhận lại hồ sơ từ ông Đ và bà H6. Do H nghỉ sinh, nên T bảo chị Ý sao lục kiểm tra Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 của H9. Xác định bà Nguyễn Thị T7 (mẹ của bà H6) có tên trong Sổ đăng ký ruộng đất năm 1987 (thửa đất của bà T7 kê khai tại thửa số 212, tờ bản đồ số 4, diện tích 1000m²), chị Ý phô tô sao lục Sổ đăng ký ruộng đất có tên của bà T7. Sau đó, ông Đ tiếp tục đến gặp T để xin làm lại hồ sơ xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6. Biết việc xác nhận lại nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6 là sai, nhưng thấy gia đình của bà H6 có hoàn cảnh khó khăn, là mẹ góa con côi, thương cảm nên T vẫn đồng ý, mục đích giúp cho bà H6 đỡ một phần thuế sử dụng đất.

Hoàn tất hồ sơ xong, ông Đ và bà H6 đến nhận và đưa đến nộp tại Bộ phận một cửa Văn phòng HĐND và UBND thành phố Đ. Ngày 15/7/2016 (thời điểm này H đã đi làm lại), ông Đào Xuân H7 và ông Đặng Trọng T5 là cán bộ Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh thành phố Đ đến UBND Phường 5 xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của bà H6.

Trên cơ sở kết quả xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất của H9, kết quả kiểm tra hồ sơ, ngày 19/7/2016, và việc hoàn tất các nghĩa vụ thuế liên quan của bà H6. Bà H6 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong trường hợp không phải nộp thuế sử dụng đất, chỉ nộp lệ phí trước bạ là 29.449.002 đồng.

Tại Kết luận giám định số 01/KL-TGD ngày 25/01/2022 của Cục Thuế tỉnh Q xác định: Nghĩa vụ tài chính phải nộp Ngân sách Nhà nước tại thời điểm ngày 28/7/2016: Tiền sử dụng đất 5.331.446.300 đồng, Lệ phí trước bạ 29.449.002 đồng, tiền chậm nộp tính đến ngày 01/01/2022 là 3.144.487.028 đồng. Tổng thiệt hại số tiền 8.475.933.328 đồng.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.
2. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: **Nguyễn Bá T 06 (sáu) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 16/02/2022 đến ngày 13/9/2022. Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Bá T đảm nhiệm các chức vụ quản lý, nhiệm vụ trong lĩnh vực địa chính, tài nguyên và môi trường trong thời hạn 02 năm từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

			<p>3. Áp dụng khoản 3, 4 Điều 356; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Hồng H 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.</p> <p>Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Nguyễn Thị Hồng H đảm nhiệm các chức vụ quản lý, nhiệm vụ trong lĩnh vực địa chính, tài nguyên và môi trường trong thời hạn 02 năm từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.</p> <p>4. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bà Trương Thị H6 phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 5.331.446.300 đồng theo yêu cầu của UBND thành phố Đ sau khi có thông báo của cơ quan T8 có thẩm quyền.</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H.2. Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị H6.3. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 73/2023/HS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.4. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bá T, Nguyễn Thị Hồng H phạm tội: <i>“Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”</i>. <ul style="list-style-type: none">- Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Bá T 4 (bốn) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giam trước đó từ ngày 16/02/2022 đến ngày 13/9/2022..- Căn cứ khoản 3 Điều 356; điểm s, t khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Thị Hồng H 3 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: khoản 3, 4 Điều 356; điểm s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 58, Điều 382. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 3573. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án	
--	--	--	--	--

3.	14/2024/ HS-PT	22/01/2024	TAND tỉnh Vĩnh Phú	<p>Bản án số 14/2024/HS-PT ngày 22/01/2024 của TAND tỉnh Vĩnh Phú</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND tỉnh Vĩnh Phú - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Y án sơ thẩm, xử phạt bị cáo Ngô Tiến Đ 01 năm 06 tháng tù. <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Quyết định số 3401/QĐ –UBND, ngày 26/12/2019 của Ủy ban nhân dân (UBND) huyện B về việc hỗ trợ có mục tiêu năm 2019 cho các xã, thị trấn trên địa bàn huyện B để thực hiện xây dựng, duy trì các tuyến đường văn minh trên địa bàn huyện. Theo đó, UBND xã T được hỗ trợ số tiền 75.500.000 đồng, bao gồm: Kinh phí xây dựng tuyến phố văn minh là 40.500.000 đồng; kinh phí duy trì tuyến phố văn minh là 35.000.000 đồng.</p> <p>Khoảng cuối năm 2020, Đặng Thị Y là Công chức Tài chính - Kế toán UBND xã T thực hiện kiểm tra sổ sách thu chi thì thấy còn khoản kinh phí xây dựng tuyến đường văn minh chưa thực hiện chi, thì Y báo cáo với Ngô Tiến Đăng là Chủ tịch UBND xã T. Sau đó, Đ đến phòng làm việc của Y, lúc này trong phòng làm việc có mặt cả Trần Thị Thu T là Thủ quỹ UBND xã T, Đặng chỉ đạo Y thực hiện lập hồ sơ chứng từ khống để rút tiền ngân sách đối với khoản kinh phí trên để phục vụ chi tiền tết cho cán bộ, công chức của UBND xã T (trong đó có cả chi cho Đ, Y và T).</p> <p>Sau khi nhận chỉ đạo của Đặng, Y đã thực hiện lập khống 03 bộ chứng từ chi tiền mặt để xây dựng tuyến đường văn minh, mỹ quan đô thị trên địa bàn xã, thuộc tuyến đường TL302B đi qua địa phận xã T làm tuyến đường văn minh, mỹ quan đô thị. Y gặp bảo ông Phùng Quyết T1 là Công chức Địa chính Xây dựng UBND xã T, nói với ông T1 ký vào các tài liệu trong bộ chứng từ để Y hoàn thiện các thủ tục theo quy định, ông T1 tin Y nói không biết đây là chứng từ lập khống nên đã ký cho Y. Sau đó, Y báo Trần Thị Thu T là Thủ quỹ UBND xã T ký vào phần Thủ quỹ tại các Phiếu chi và ký không chữ ký của các cán bộ, các hộ dân trong danh sách chi tiền hỗ trợ cho cán bộ, người dân tham gia xây dựng tuyến đường văn minh, do T đã biết được Đặng chỉ đạo Y lập chứng từ khống nên T đã ký vào phần thủ quỹ của các phiếu chi và ký khống tại cột ký nhận trong danh sách nhận tiền của một số tên cán bộ, tên hộ dân. Sau khi hoàn thành việc lập khống chứng từ thì Y trình Đặng để ký hợp thức. Đồng thời, Y làm Giấy rút dự toán ngân sách Nhà nước đề nghị Kho bạc Nhà nước huyện B duyệt các khoản chi cho UBND xã T, trong đó có các</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1B0vN5tCkSZJmZY_Ls1O1SF2R0k3Z_RXK/view?usp=sharing</p>
----	-------------------	------------	--------------------------	--	--

khoản chi theo 03 bộ chứng từ lập không nêu trên. Sau khi được Kho bạc Nhà nước huyện B phê duyệt, thì T đi rút được 51.000.000 đồng từ 03 bộ chứng từ không, đem về báo cáo với Đảng và thông báo cho Y biết, Đảng và Y yêu cầu T giữ lại số tiền trên để phục vụ chi cho các hoạt động chung của UBND xã, không thực hiện chi trả theo nội dung thể hiện trong các chứng từ vì đây là số tiền rút ra từ việc lập không chứng từ. Do vậy, T đã giữ lại và quản lý số tiền này (51.000.000 đồng).

Do số tiền được UBND huyện hỗ trợ cho việc xây dựng tuyến đường văn minh vẫn chưa rút hết, nên Y lập không 01 bộ chứng từ chi chuyển khoản qua kho bạc liên quan nội dung chi cho việc làm áp phích, pano, băng rôn tuyên truyền xây dựng tuyến đường văn minh, số tiền 24.000.000 đồng. Đối với khoản tiền này, Y đã liên hệ với Nguyễn Thị N là chủ hộ để mua hóa đơn hợp thức chứng từ. Do Y không nói cho N biết mục đích của việc mua hóa đơn để rút tiền ngân sách chi tiền tết nên N đã không biết mục đích Y mua hóa đơn để hợp thức chứng từ rút tiền ngân sách về chi trái quy định. Vì vậy, N đồng ý bán cho Y 01 tờ hóa đơn số 71701 ngày 29/12/2020 với số tiền là 10% giá trị hàng hóa thể hiện trên hóa đơn. N đã viết không cho Y tờ hóa đơn, thể hiện hàng hóa là khẩu hiệu, pano, áp phích, băng rôn phục vụ công tác tuyên truyền xây dựng tuyến đường văn minh; giá trị hàng hóa thể hiện trên hóa đơn là 24.000.000 đồng.

Tổng cộng, Đảng đã chỉ đạo Y và T rút số tiền 75.000.000 đồng từ kho bạc Nhà nước liên quan nội dung chi phục vụ xây dựng tuyến đường văn minh, từ nguồn hỗ trợ có mục tiêu của UBND huyện B cấp cho UBND xã T. Sau khi trừ đi số tiền mua hóa đơn 2.400.000 đồng, còn lại số tiền 72.600.000 đồng thì Đảng tiếp tục chỉ đạo T giữ lại để phục vụ chi cho các hoạt động của UBND xã. Đến thời điểm gần Tết nguyên đán năm 2021, ở phòng làm việc của Y và T tại trụ sở UBND xã T, Đ đã chỉ đạo Y và T sử dụng số tiền nêu trên để chi hỗ trợ tiền Tết cho cán bộ UBND xã T, mỗi cán bộ được hỗ trợ số tiền 4.000.000 đồng.

Để che đậy sự phát hiện của cơ quan Công an thì Y và Đ đã trao đổi, thống nhất với nhau đưa cho ông T1 30.000.000 đồng và bảo ông T1 viết với anh Nguyễn Văn H là Phó Chủ tịch Hội nông dân xã T 01 giấy biên nhận số tiền 30.000.000 đồng vào ngày 30/12/2020 rồi đưa 30.000.000 đồng cho anh H để cấp phát cho người dân có tên trong danh sách theo Y lập. Vì tin tưởng Y và không biết việc Y lập các chứng từ không xây dựng tuyến đường văn minh để rút tiền chi tết cho các cán bộ, công chức xã nên ông T1 và anh H đã nhận 30.000.000 đồng của Y để anh H đi phát cho các hộ dân. Tuy nhiên, anh H chưa kịp đi phát tiền khắc phục cho người dân thì cả ông T1 và anh H được Cơ quan điều tra mời đến làm việc và thu giữ số tiền trên.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Tiến Đ phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

				<p>2. Áp dụng khoản 1, 4 Điều 356; Điều 17, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Ngô Tiến Đ 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.</p> <p>Tòa Phúc thẩm tuyên:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Ngô Tiến Đ; 2. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2023/HS-ST ngày 28/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên. <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: khoản 1, khoản 4 Điều 356; Điều 17, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 58 2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
4.	06/2024/ HS-PT	06/01/2024	TAND cấp cao tại Hà Nội	<p>Bản án số 06/2024/HS-PT ngày 06/01/2024 của TAND cấp cao tại Hà Nội</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cấp xét xử: Phúc thẩm - Loại án: Hình sự - Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội - Áp dụng án lệ: Không - Thông tin về vụ án: Nguyễn Ích Chánh và đp phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Từ năm 2016 đến năm 2020, Nguyễn Ích C giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Cao Bằng (từ tháng 02-2021, giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh C, đã bị đình chỉ chức vụ theo</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1Gx6TAMdsa7-KLfsIUnUdV892dZ1L4B7/view?usp=sharing</p>

Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 26/7/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh C) đã chỉ đạo cho Hoàng Thị X là Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B lựa chọn các doanh nghiệp địa phương thực hiện các gói tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình. Theo chỉ đạo đó, Hoàng Thị X đã trình Nguyễn Ích C ký các quyết định chỉ định thầu tư vấn giám sát thi công công trình xây dựng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T3 (Công ty T3 và Công ty Trách nhiệm hữu hạn T4 (Công ty T4 để thực hiện các gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B làm chủ đầu tư và các dự án do Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B cùng với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B làm đồng chủ đầu tư mà không thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng.

Mặc dù cả hai Công ty này đều không có năng lực thực hiện tư vấn giám sát thi công công trình nhưng Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B vẫn ký hợp đồng tư vấn giám sát và đã thanh toán 35 lần tiền cho 02 Công ty trên với số tiền 3.549.977.000 đồng, trong đó: Thanh toán cho Công ty T3 23 lần với số tiền 2.106.620.000 đồng, thanh toán cho Công ty T4 12 lần với số tiền 1.443.357.000 đồng.

Quá trình thực hiện, Hoàng Thị X yêu cầu Công ty T3 và Công ty T4 thực hiện việc giám sát thi công công trình mà chỉ làm các hồ sơ thanh toán và xuất khống các hóa đơn, chứng từ cho Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B. Sau khi Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B thanh toán tiền tư vấn giám sát thi công công trình thì Công ty T3 và Công ty T4 chỉ được giữ lại 35% số tiền tư vấn giám sát, tương đương với số tiền 1.242.491.950 đồng để chi trả các khoản thuế phải nộp và các chi phí khác, còn 65% giá trị gói thầu tư vấn giám sát, tương đương số tiền 2.307.485.050 đồng phải chuyển lại cho Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B.

Mở rộng điều tra, cơ quan điều tra xác định được từ năm 2017 đến năm 2018 có 22 công trình do Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B và Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B (thời điểm này Tô Quang T là Phó trưởng phòng phụ trách) được giao làm đồng chủ đầu tư, trong đó 10 công trình thanh toán qua Công ty T3 với số tiền 534.460.000 đồng và 12 công trình thanh toán qua Công ty T4 Cao Bằng với số tiền 880.987.000 đồng cũng có sai phạm tương tự về hành vi thanh toán khống chi phí tư vấn giám sát thi công xây dựng với tổng số tiền chi phí giám sát là 1.415.447.000 đồng.

Tại Kết luận giám định tài chính ngày 28/10/2022 của Sở Tài chính tỉnh C xác định thiệt hại cho ngân sách Nhà nước đối với 23 công trình là 3.549.977.000 đồng. Tương tự, sai phạm đối với các gói thầu tư vấn giám sát thi công xây dựng do Ban Quản lý dự án đầu tư và xây dựng huyện B làm đồng chủ đầu tư với Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện B đã gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 1.415.447.000 đồng.

Quá trình điều tra, Nguyễn Ích C đã tự nguyện nộp số tiền 600.000.000 đồng; Hoàng Thị X tự nguyện nộp số tiền 650.000.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, Nguyễn Ích C tự nguyện nộp thêm 760.500.000 đồng; Hoàng Thị X tự nguyện nộp thêm 750.000.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ích C và Hoàng Thị X phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.
2. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 **xử phạt Nguyễn Ích C 05 năm 06 tháng tù; bị cáo Hoàng Thị X 05 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày các bị cáo đi chấp hành án.**

Tòa Phúc thẩm tuyên:

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Ích C, Hoàng Thị X, sửa một phần của Bản án hình sự sơ thẩm số 111/2023/HS-ST ngày 16/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đối với các bị cáo Nguyễn Ích C, Hoàng Thị X; cụ thể:
 2. Áp dụng khoản 3 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Ích C và Hoàng Thị X phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.
 - Xử phạt Nguyễn Ích C 03 năm 06 tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.
 - Xử phạt bị cáo Hoàng Thị X 03 năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/7/2022 đến ngày 06/01/2023.
 3. Về trách nhiệm dân sự:
 - Buộc bị cáo Nguyễn Ích C phải bồi thường 1.563.492.800 đồng (một tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm đồng), Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận bị cáo C đã nộp 1.360.500.000 đồng.
 - Xác nhận bị cáo Nguyễn Ích C đã nộp số tiền 213.150.000 đồng là tiền bồi thường và án phí tại Biên lai số 0004158 ngày 28/8/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.
 - Buộc bị cáo Hoàng Thị X phải bồi thường 1.563.492.800 đồng (một tỷ, năm trăm sáu mươi ba triệu, bốn trăm chín mươi hai nghìn, tám trăm đồng), Tòa án cấp sơ thẩm xác nhận bị cáo X đã nộp 1.400.000.000 đồng.

				<p>- Xác nhận bị cáo Hoàng Thị X đã nộp số tiền 171.867.440 đồng là tiền bồi thường và án phí tại Biên lai số 0004166 ngày 06/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng.</p> <p>Cơ sở pháp lý:</p> <ol style="list-style-type: none"> Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: khoản 3 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án 	
5.	108/2023/HS-PT	11/03/2023	TAND cấp cao tại Hà Nội	<p>Bản án số 108/2023/HS-PT ngày 11/03/2023 của TAND cấp cao tại Hà Nội</p> <p>Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> Cấp xét xử: Phúc thẩm Loại án: Hình sự Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội Áp dụng án lệ: Không Thông tin về vụ án: Không chấp nhận kháng cáo của hai bị cáo. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm <p>Tóm tắt nội dung vụ án:</p> <p>Trong thời gian từ năm 2013 đến năm 2018, thực hiện chính sách hỗ trợ của Nhà nước về giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản để khôi phục sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại do thiên tai (bão lụt, hạn hán), Nguyễn Văn H - Công chức địa chính nông nghiệp Ủy ban nhân dân (Viết tắt: UBND) xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (giai đoạn từ năm 2012 đến tháng 9/2020) đã tham mưu, đề xuất và được Lưu Quang T1 - nguyên Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (giai đoạn từ năm 2004 đến tháng 8/2014) và Trần Công O - nguyên Chủ tịch UBND xã N, huyện N, tỉnh Nghệ An (giai đoạn từ tháng 9/2014 đến tháng 7/2020) chỉ đạo lập khống hồ sơ đề nghị Nhà nước hỗ trợ thiệt hại do bão, hạn hán và mưa lụt gây ra trên địa bàn xã nhằm mục đích rút tiền ngân sách Nhà nước để chi tiêu trái pháp luật cho các hoạt động chung của UBND xã.</p> <p>Quá trình điều tra xác định: Trong tổng số tiền 722.076.200 đồng mà các cán bộ UBND xã lập khống hồ sơ, Thanh</p>	<p>https://drive.google.com/file/d/1MweqoFHs27IEKrXAqMevLYmzmL38KIRZ/view?usp=sharing</p>

tra huyện N đã phát hiện sai phạm số tiền 471.510.600 đồng và đã thu hồi theo các Quyết định về việc xử lý số tiền sai phạm số 1129/QĐ-CTUBND ngày 18/5/2020, Quyết định về việc thu hồi tiền sai phạm số 1100/QĐ-CTUBND ngày 12/5/2020, số 1116/QĐ-CTUBND ngày 15/5/2020 của Chủ tịch UBND huyện N. Ngoài ra, UBND xã N đã tự nộp trả lại tiền lập không diện tích đất công ích đề nghị hỗ trợ thiệt hại do mưa lụt vụ Đ2 năm 2016 và bão số 10 năm 2017 vào ngân sách Nhà nước, số tiền 85.102.700 đồng (thể hiện tại Giấy nộp trả kinh phí cho ngân sách cấp trên ngày 23/6/2020). Số tiền còn lại 165.462.900 đồng hiện nay các bị cáo Trần Công O, Nguyễn Văn H đã tự nguyện nộp để khắc phục hậu quả.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Tuyên các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Công O phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" và quyết định:
 - Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 281 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009); điểm s, b, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo Trần Công O 24 (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bắt bị cáo để thi hành án.
 - Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 36 (ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.
2. Trả lại cho UBND huyện N số tiền 165.463.000 (một trăm sáu mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi ba ngàn) đồng do các bị cáo Nguyễn Văn H và Trần Công O khắc phục thể hiện tại chứng từ giao dịch chứng nhận nộp tiền ngày 13/5/2021, ghi có, tài khoản số 394101068597, tên tài khoản Sở T2, tại Kho bạc nhà nước tỉnh Nghệ An, người nộp tiền Trần Công O.
3. Trả lại cho UBND huyện N số tiền 85.102.700 (tám mươi lăm triệu, một trăm linh hai ngàn, bảy trăm) đồng do UBND xã N nộp lại, thể hiện tại Giấy nộp trả kinh phí ngày 23/6/2020.

Tòa Sơ thẩm tuyên:

1. Không chấp nhận kháng cáo của 02 bị cáo: Nguyễn Văn H và Trần Công O về việc đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.
2. Giữ nguyên quyết định về hình sự tại bản án hình sự sơ thẩm số 164/2021/HS-ST ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An:

Cơ sở pháp lý:

1. Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung 2017: điểm b, c khoản 2 Điều 356, điểm s, b khoản 1, 2 Điều 51, Điều 54, Điều 58
2. Bộ luật Tố tụng hình sự 2015: điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356
3. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án